

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 01- 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Tạ Văn Nhật

Nghề nghiệp: Công an nghỉ hưu

Nơi cư trú: Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

+ Bà Nguyễn Thị Chiều

Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX - ST ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Huyền Nh, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKH: Thôn 6, xã Trung Ch, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chỗ ở: Thôn 6, xã Thượng M, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1987;

Nơi ĐKKH: Thôn 6, xã Trung Ch, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội.

Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 1, Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội; địa chỉ: Xã Hòa B, huyện Thường T, thành phố Hà Nội; (có đề nghị giải quyết vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chỉ

Nguyễn Huyền Nh trình bày: Chị và anh anh Đỗ Văn D đăng ký kết hôn vào ngày 06/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Ch, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, chị và anh D được tự do tìm hiểu khoảng gần 02 năm. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh D tại gia đình bố mẹ đẻ anh D ở thôn 6, xã Trung Ch. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh D mãi chơi, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến chị và gia đình; vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân nhiều lần, lần đầu vào tháng 6/2019 và lần cuối vào năm 2020. Cũng trong năm 2020, anh D bị Tòa án xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” và đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội. Kể từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là: Cháu Đỗ Lê Qu, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 28/11/2014. Hiện nay, cháu Qu và cháu Đ đang ở với chị tại cửa hàng do chị và anh D thuê vào tháng 4 năm 2020 ở thôn 6, xã Thượng M, huyện Đan Ph. Ly hôn chị xin nuôi 02 con và không đề nghị anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nh không đề nghị Tòa án giải quyết
- Về công nợ: Vợ chồng không có nợ chung và được nợ chung
- Về công sức đóng góp vào tài sản của gia đình: Không có

\* Bị đơn anh Đỗ Văn D trình bày: Anh nhất trí lời trình bày của chị Nh về thời gian, điều kiện kết hôn. Trước khi kết hôn, anh và chị Nh được tự do tìm hiểu khoảng 02 năm đến 03 năm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Chị Nh ngoại tình; từ năm 2016 đến năm 2019, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 02/2021 đến nay, anh chấp hành án tại trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội thì vợ chồng không gặp nhau. Anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn chị Nh.

- Về con chung: Anh và chị Nh có 02 con chung là: Cháu Đỗ Lê Qu, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 28/11/2014. Ly hôn anh đồng ý để chị Nh nuôi 02 con.

- Về tài sản chung: Cuối năm 2018, vợ chồng thuê cửa hàng bán giày dép và túi xách ở xã Thượng M, huyện Đan Phượng. Ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung nào khác. Ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

- Về công nợ: Vợ chồng không có nợ chung và được nợ chung
- Về công sức đóng góp vào tài sản của gia đình: Không có

Tại phiên toà chị Nh trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện; vợ chồng sống ly thân nhiều lần. Chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn nên cương quyết xin ly hôn anh D. Về con chung, tài sản chung vợ chồng thì chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Huyền Nh và anh Đỗ Văn D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nh xin ly hôn anh D đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Huyền Nh được ly hôn anh Đỗ Văn D. Về con chung: Giao cháu Đỗ Lệ Qu, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 28/11/2014 cho chị Nh nuôi dưỡng đến khi cháu Qu, cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị Nh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D đến khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Anh D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Huyền Nh khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Văn D; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 6, xã Trung Ch, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội. Tòa án thụ lý vụ án, xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện trước khi anh D chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội thì anh D, chị Nh đăng ký hộ khẩu thường trú nêu trên. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, anh D đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án xác minh, thu thập; vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nh xin được ly hôn với anh D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nh, anh D đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Châu, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Nh, anh D chung sống hạnh phúc cùng nhau đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Theo chị Nh là do anh D mãi chơi, không tu trí làm ăn, không quan tâm đến chị Nh và gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; còn anh D cho rằng chị Nh ngoại tình và vợ chồng xuyên cãi nhau. Chị Nh và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng

không còn. Chị Nh xin ly hôn thì anh D đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nh và anh D đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh, xử cho chị Nguyễn Huyền Nh được ly hôn anh Đỗ Văn D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Xét yêu cầu của chị Nh xin được nuôi cháu Đỗ Lệ Qu, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 28/11/2014.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nh, anh D có 02 con chung là cháu Đỗ Lệ Qu, cháu Đỗ Minh Đ. Chị Nh đang nuôi dưỡng cháu Qu và cháu Đ. Hiện nay, anh Đỗ Văn D đang chấp hành án tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Qu và cháu Đ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Lệ Qu, cháu Đỗ Minh Đ cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy chị Nh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ: Chị Nh và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Huyền Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Huyền Nh. Cho chị Nguyễn Huyền Nh được ly hôn anh Đỗ Văn D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Huyền Nh và anh Đỗ Văn D có 02 con chung là cháu Đỗ Lệ Qu, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 28/11/2014. Giao cháu Đỗ Lệ Qu, Đỗ Minh Đ cho chị Nh nuôi đến khi cháu Qu, cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị Nh không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D cho đến khi chị Nh có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Chị Nh, anh D không yêu cầu giải quyết.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án: Chị Nguyễn Huyền Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002654 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Huyền Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Đỗ Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Trung Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Thu**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

